

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG TỚI KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Nguyễn Minh Phương

Học viện Ngân hàng

Email: phuongnm@hvn.edu.vn

Trần Thúy Anh

Học viện Ngân hàng

Email: thuyyanhhh2209@gmail.com

Bùi Thị Dạ Lý

Học viện Ngân hàng

Email: daly2114@gmail.com

Trần Bình Minh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: minhbt@neu.edu.vn

Đinh Phương Hà

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hadp11005@gmail.com

Mã bài: JED-2063

Ngày nhận: 21/10/2024

Ngày nhận bản sửa: 12/11/2024

Ngày duyệt đăng: 02/12/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.2063

Tóm tắt:

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá sự tác động của công bố thông tin ESG đến khả năng sinh lời bằng mô hình cụ thể với hai chỉ số ROA và ROE tại các ngân hàng thương mại hoạt động tại thị trường Việt Nam trong giai đoạn 2018-2023. Quá trình nghiên cứu được chia làm 2 giai đoạn nghiên cứu: (i) Giai đoạn 1 sử dụng phương pháp Disclosure Index Analysis để đo lường mức độ minh bạch của công bố thông tin ESG; và (ii) Giai đoạn 2 sử dụng mô hình kinh tế lượng nhằm nghiên cứu tác động của công bố thông tin ESG đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại. Kết quả chỉ ra rằng công bố thông tin ESG một cách đầy đủ, minh bạch sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm về phát triển bền vững của các ngân hàng, hỗ trợ các ngân hàng nâng cao vị thế cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận.

Từ khóa: Công bố thông tin, ESG, khả năng sinh lời, báo cáo thường niên, phát triển bền vững, ngân hàng thương mại Việt Nam.

Mã JEL: F65, G02, O16, P33

The impact of ESG information disclosure to the profitability of Vietnamese commercial banks

Abstract:

The research aims to investigate the impact of environmental, social, governance (ESG) information disclosure on profitability by employing a specific model with two indicators of return on assets and return on equity at commercial banks operating in the Vietnamese market from 2018-2023. The study process was divided into two main stages: (i) The first stage involved using the Disclosure index to measure the level of ESG disclosure; (ii) The second stage employed econometric models to examine the impact of ESG disclosure on bank profitability. The results reveal that disclosing ESG information enhances commercial banks' responsibility for sustainable development, improves the competitive position, and raises the profit for commercial banks.

Keywords: Information disclosure, ESG, profitability, annual report, sustainable development, Vietnamese commercial banks.

JEL Codes: F65, G02, O16, P33

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra khắc nghiệt để lại nhiều hậu quả và mất mát to lớn cho toàn xã hội, việc hướng đến phát triển một xã hội bền vững là ưu tiên hàng đầu của mỗi quốc gia trên cả ba trụ cột bao gồm: kinh tế, xã hội và môi trường. Hệ thống các ngân hàng thương mại là một cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế quốc gia và giữ một vai trò đặc biệt trong việc đảm bảo cân bằng an ninh môi trường, kinh tế và xã hội. Do đó, phát triển ngành ngân hàng bền vững đã, đang và sẽ là một xu hướng phát triển tất yếu, không chỉ được quan tâm tại Việt Nam mà còn được chú trọng trên toàn thế giới.

Báo cáo và công bố thông tin (CBTT) là sản phẩm đầu ra cuối cùng, giữ một vai trò quan trọng nhằm ghi nhận các hoạt động diễn ra tại tổ chức hay doanh nghiệp. Đây đồng thời là một bức tranh phản ánh rõ ràng nhất thực trạng hoạt động của tổ chức. Báo cáo ESG chính là sự công bố của các ngân hàng thương mại về quá trình thực hiện các tiêu chí phát triển bền vững trên các khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. Vì thế, các thông tin trên báo cáo và công bố thông tin còn được coi là minh chứng khách quan nhằm đánh giá việc thực hiện phát triển bền vững tại các ngân hàng thương mại.

Với mong muốn lấp đầy khoảng trống nghiên cứu cũng như nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các ngân hàng thương mại Việt Nam đối với công bố thông tin ESG, nhóm đã tiến hành sử dụng các báo cáo ESG tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn năm 2018-2023 kết hợp với bộ dữ liệu Widata 2024 và Tổng cục thống kê để hoàn thiện bài nghiên cứu. Hơn nữa, với hai phương pháp được sử dụng ở hai giai đoạn nghiên cứu khác nhau, bài nghiên cứu hướng đến đưa ra các mức điểm cụ thể về thực trạng thực hiện công bố thông tin ESG theo Thông tư 96/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành vào ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và mức độ ảnh hưởng của chúng đến khả năng sinh lời. Nghiên cứu này đã chứng minh được công bố thông tin ESG sẽ đem lại ảnh hưởng tích cực đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong dài hạn.

Nghiên cứu này có kết cấu gồm 5 mục chính, cụ thể như sau: Giới thiệu chủ đề nghiên cứu; Lý thuyết nền tảng và tổng quan nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu và thảo luận; Kết luận và khuyến nghị.

2. Lý thuyết nền tảng và tổng quan nghiên cứu

2.1. Lý thuyết nền tảng

Lý thuyết đại diện

Lý thuyết đại diện (Agency Theory) được phát triển được công bố bởi Jensen & Meckling (1976), tập trung vào mối quan hệ giữa bên ủy quyền và bên đại diện. Lý thuyết này cho rằng xung đột sẽ phát sinh khi giữa cổ đông và đại diện công ty có những thông tin không đầy đủ và gây ra sự bất cân xứng thông tin giữa hai bên. Dựa trên lý thuyết này, nhóm nghiên cứu thấy được công bố thông tin ESG một cách đầy đủ và chính xác sẽ góp phần giảm thiểu sự xung đột nảy sinh giữa đôi bên. Trong lĩnh vực ngân hàng, đây cũng được coi là một biện pháp nhằm duy trì và đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư để chứng minh rằng ngân hàng hoạt động minh bạch và hiệu quả.

Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholders Theory)

Dựa theo kết quả nghiên cứu của Freeman (1984), lý thuyết các bên liên quan (Stakeholders Theory) cho rằng tổ chức có nghĩa vụ phải đối xử công bằng với các bên liên quan, bao gồm các bên liên quan bên trong và ngoài doanh nghiệp. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động cũng như kết quả kinh doanh của tổ chức. Công bố thông tin ESG được thực hiện công khai, rõ ràng trên báo cáo thường niên của các ngân hàng sẽ đảm bảo tiếp cận được tối đa các bên liên quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của họ. Theo đuổi các mục tiêu ESG là một hành trình dài mà các ngân hàng phải chịu đánh đổi lợi nhuận mà mình tạo ra nhằm hướng đến một mục tiêu lâu dài hơn. Nếu ngân hàng chấp nhận thực hiện phát triển bền vững thì tối đa hóa lợi nhuận sẽ không còn là mục tiêu chính. Vì thế, các ngân hàng cần chú trọng, quan tâm hơn nữa tới các bên liên quan nhằm định hướng chính xác một mục tiêu cụ thể cho chính ngân hàng mình cũng như các bên liên quan.

Lý thuyết hợp pháp

Theo lý thuyết tính hợp pháp (Legitimacy Theory), các doanh nghiệp sẽ có trách nhiệm tự nguyện báo cáo thông tin về các hoạt động của mình sao cho phù hợp với quy định của luật pháp, những quy tắc, những chuẩn mực về đạo đức, văn hóa và xã hội...nhằm đáp ứng được kỳ vọng của xã hội (Deegan, 2002). Công

bố thông tin ESG hướng đến các giá trị về môi trường, xã hội và quản lý doanh nghiệp, đây cũng được coi là một yêu cầu tất yếu đối với các ngân hàng thương mại nhằm góp phần hướng đến một nền kinh tế bền vững. Nhờ đó, công bố thông tin ESG ngày càng chứng minh được tầm quan trọng của mình không chỉ trong lĩnh vực ngân hàng mà còn ở các ngành nghề khác. Thực hiện công bố thông tin ESG minh bạch, đầy đủ và chính xác cũng đồng thời thể hiện được trách nhiệm của ngân hàng đối với xã hội.

Lý thuyết hợp đồng xã hội

Lý thuyết hợp đồng xã hội có lịch sử lâu đời, bắt nguồn từ quan điểm, tư tưởng triết học về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên (Hobbes, 1962; Rousseau, 1964). Donald & cộng sự (1999) đã đề xuất lý thuyết hợp đồng tích hợp như một biện pháp giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định một cách có đạo đức hơn. Theo cách tiếp cận xã hội, doanh nghiệp có trách nhiệm với toàn xã hội vì họ là một bộ phận cấu thành. Theo lý thuyết này, luôn tồn tại một hợp đồng xã hội ngầm giữa doanh nghiệp và xã hội, bao gồm những nghĩa vụ gián tiếp của doanh nghiệp đối với toàn xã hội. Cụ thể hơn, công bố thông tin ESG chính là minh chứng rõ ràng nhất của các ngân hàng cho thấy trách nhiệm của họ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình đối với xã hội. Tuy là một bản hợp đồng vô hình nhưng chúng ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh và giá trị của ngân hàng thương mại đối với cả cộng đồng.

2.2. Tổng quan nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu

Trên thế giới, cũng đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về mức độ công bố thông tin của các ngân hàng thương mại. Có thể đề cập đến nghiên cứu của Khan & Abera (2015), trong đó các tác giả đã phân tích báo cáo thường niên của 17 ngân hàng thương mại tại Ethiopia giai đoạn 2008 - 2012 và thu được tỷ lệ công bố thông tin là 36%. Rashid & Aikaeli (2015) cũng tiến hành nghiên cứu dựa trên báo cáo thường niên năm 2013 của 31 ngân hàng thương mại tại Kenya và kết quả cho thấy tỷ lệ công bố thông tin là 62,8%. Những nghiên cứu trên cho thấy vẫn còn nhiều ngân hàng thương mại trì hoãn trong việc công bố thông tin. Nobanee & Ellili (2017) đã chỉ ra rằng các ngân hàng thương mại niêm yết thường ưu tiên công bố thông tin liên quan đến khía cạnh xã hội hơn là kinh tế và môi trường. Đáng chú ý, không có ngân hàng nào trong nghiên cứu này công bố thông tin về môi trường cho thấy sự thiếu hụt nghiêm trọng trong trách nhiệm về báo cáo bền vững của họ. Thêm vào đó, Ellili & Nobanee (2023), Menassa & Dagher (2020) cũng đã đo lường mức độ công bố thông tin về tính bền vững của doanh nghiệp bằng cách phân tích dữ liệu hàng năm của các ngân hàng trên thị trường tài chính UAE. Kết quả cho thấy rằng mức độ công bố thông tin về tính bền vững tổng thể của các ngân hàng tại UAE là rất thấp, phản ánh một khoảng trống trong việc thực hiện các báo cáo phát triển bền vững. Việc không công bố thông tin về môi trường có thể cản trở hiệu suất tài chính của ngân hàng, đồng thời cho thấy cần có những chính sách rõ ràng hơn từ chính phủ và các cơ quan quản lý để thúc đẩy việc công bố thông tin bền vững.

Ở Việt Nam cũng đã có những nghiên cứu liên quan đến việc công bố thông tin ESG của ngân hàng thương mại. Nguyễn Thị Phúc Doang & Nguyễn Văn Đại (2023) nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam. Nguyễn La Soa (2023) xem xét tác động của công bố thông tin trách nhiệm xã hội đến phát triển bền vững và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khai khoáng.

Về những nghiên cứu thực trạng ESG trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, Trần Nguyên Sa & Hạ Thị Thiệu Dao (2023) nghiên cứu thực trạng công bố thông tin về hoạt động ngân hàng xanh của các ngân hàng thương mại niêm yết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có 17/20 ngân hàng thương mại công bố thông tin ngân hàng xanh vào năm 2022 và các tiêu chí công bố thông tin vẫn chưa được báo cáo đầy đủ.

Đối với các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới công bố báo cáo ESG của các ngân hàng thương mại, Mui Kuen Yuen & cộng sự (2022) đã nghiên cứu và điều tra tác động của ESG đối với khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại dưới sự ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Bài viết này đã chỉ ra rằng việc thực hiện ESG được coi là một sự đánh đổi đối với các hệ thống ngân hàng thương mại vì điều này sẽ làm giảm đi lợi nhuận của các ngân hàng. Bui & cộng sự (2024) nghiên cứu thực nghiệm công bố ESG và đảm bảo hiệu quả tài chính tới các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng 24 ngân hàng thương mại Việt Nam về tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) và biên lãi ròng (NIM). Nghiên cứu chỉ ra việc chưa có bằng chứng về mối liên hệ đáng kể giữa việc tiết lộ thông tin xã hội và hiệu quả tài chính. Một số tác giả cũng đã sử dụng bình phương điểm ESG để giải thích mối quan hệ phi tuyến tính giữa công bố thông tin ESG và lợi nhuận ngân hàng (Yuen & cộng sự, 2022). Nollet & cộng sự

(2016), với tư cách là một trong những người tiên phong, đã tìm thấy mối quan hệ phi tuyến tính giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và hiệu quả tài chính khi kiểm tra các công ty S&P 500 trong giai đoạn 2007–2011. Trong khi mô hình tuyến tính gợi ý rằng CSR và lợi nhuận trên vốn có mối liên hệ tiêu cực đáng kể, mô hình phi tuyến tính cho thấy mối quan hệ hình chữ U và ngụ ý tác động tích cực trong dài hạn.

Trên thực tế, công bố ESG tại các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn chưa được chú trọng thực hiện một cách chính xác và chặt chẽ. Các nghiên cứu trước đó cũng chưa cung cấp được đầy đủ thông tin về các lĩnh vực mà ESG hướng tới là kinh tế, môi trường và xã hội mà chỉ tập trung vào khía cạnh môi trường. Không những thế, tại Việt Nam, rất ít hay thậm chí là chưa có các nghiên cứu sử dụng phương pháp chấm điểm công bố thông tin ESG đối với các ngân hàng thương mại.

Điểm mới trong nghiên cứu này là sẽ tập trung vào việc chấm điểm một cách rõ ràng và khách quan đối với từng tiêu chí mà các ngân hàng đã thực hiện. Đặc biệt, trong bối cảnh các nghiên cứu về ESG hiện nay tại Việt Nam vẫn còn hạn chế, chi phí tiếp cận kết quả chấm điểm từ Bloomberg còn cao, thậm chí không có dữ liệu cho Việt Nam thì nghiên cứu này thực sự mở ra một hướng đi mới mẻ, đáng tin cậy để giải quyết vấn đề nghiên cứu. Căn cứ vào lý thuyết nền tảng nêu trên và các kết quả thực nghiệm trước đây, bài viết đưa ra giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H1: Công bố thông tin ESG nâng cao khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại.

Giả thuyết H2: Tồn tại mối quan hệ phi tuyến giữa công bố thông tin ESG và lợi nhuận ngân hàng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ các báo cáo ESG tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2023, kết hợp sử dụng dữ liệu từ Widata 2024 và từ Tổng cục thống kê Việt Nam. Trong đó, bộ dữ liệu đáng tin cậy Widata là một sản phẩm của Wigroup, là nền tảng chuyên cung cấp tích hợp dữ liệu tài chính liên quan đến các chỉ số, báo cáo phân tích, ngành nghề, vĩ mô, lãi suất tiền tệ, hàng hóa và nhiều loại dữ liệu khác. Phần dữ liệu liên quan đến công bố thông tin ESG của các ngân hàng đã được thu thập và chấm điểm dựa theo Thông tư 96/2020-TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Bảng 1: Khung tiêu chuẩn ESG theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Mã hóa	Nội dung
TC1	Tổng phát thải nhà kính trực tiếp và gián tiếp
TC2	Các sáng kiến và biện pháp giảm phát thải nhà kính
TC3	Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm
TC4	Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức
TC5	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp
TC6	Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
TC7	Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này
TC8	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
TC9	Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
TC10	Số lần bị xử phạt vì không tuân thủ luật pháp và các vấn đề về môi trường
TC11	Tổng số tiền bị xử phạt vì không tuân thủ luật pháp và các vấn đề về môi trường
TC12	Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
TC13	Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
TC14	Số giờ lao động trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại mỗi năm
TC15	Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp
TC16	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
TC17	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

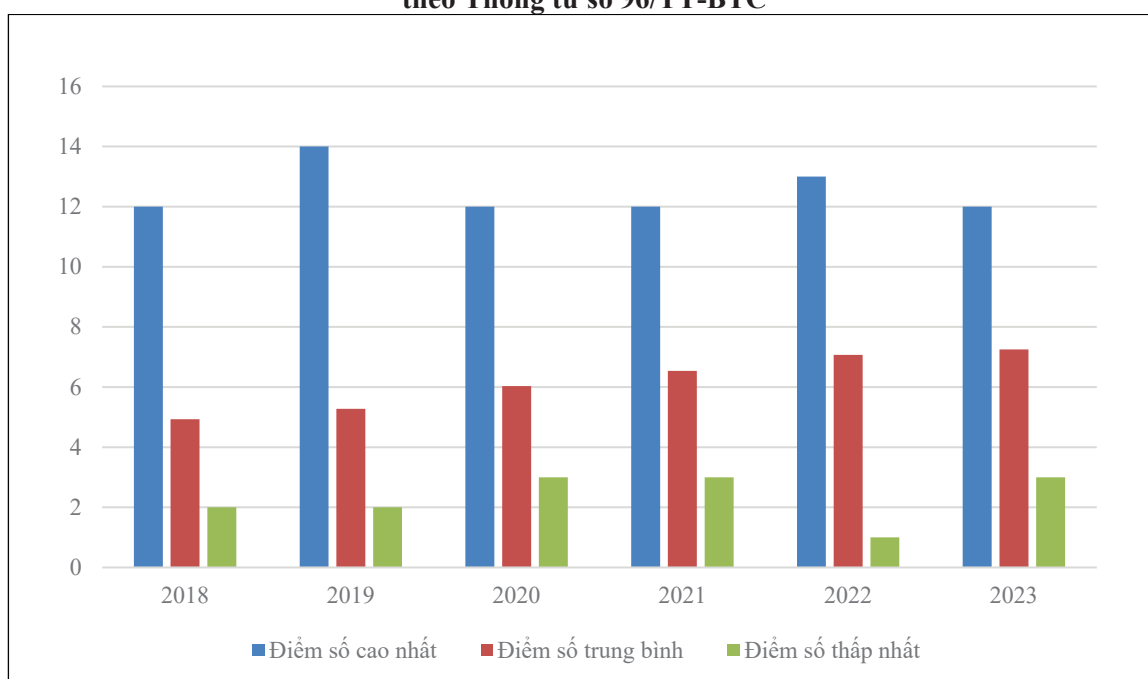
3.2. Quy trình nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chia ra hai giai đoạn nghiên cứu cơ bản:

Giai đoạn 1: Đánh giá thực trạng công bố thông tin ESG.

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp Disclosure Index Analysis để lượng hóa thông tin về ESG trên báo cáo thường niên của các ngân hàng thương mại. Phương pháp này thường được sử dụng để đánh giá mức độ đầy đủ của thông tin công bố (Beattie & cộng sự, 2004; Khan & cộng sự, 2021). Trong nghiên cứu này, nhóm lựa chọn Thông tư 96/2020-TT-BTC làm tiêu chuẩn đánh giá mức độ thực hiện ESG tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Theo đó, số điểm công bố thông tin ESG dao động từ 0 đến 17 điểm, với điểm số cao hơn thể hiện mức độ công bố thông tin ESG nhiều hơn và chi tiết hơn. Tuy nhiên, do 7 tiêu chí đầu tiên trong thông tư này là tùy chọn nên điểm số tối thiểu bắt buộc của các ngân hàng cần đạt được là 10/17 tiêu chí. Cơ sở dữ liệu của nghiên cứu tiến hành xây dựng điểm số thực hiện các tiêu chí về ESG của các hệ thống ngân hàng trong xuyên suốt 5 năm liên tục từ 2018-2023.

Hình 1: Điểm số công bố thông tin ESG của các ngân hàng thương mại theo Thông tư số 96/TT-BTC



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Công bố thông tin ESG theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC là một yêu cầu bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại đã niêm yết trên sàn chứng khoán. Dựa theo quy định này, số điểm tối thiểu mà các ngân hàng cần đạt được ở mức 10/17 điểm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều ngân hàng hiện chỉ đạt điểm số từ 5/17 đến 8/17. Điểm số này có xu hướng tăng lên qua từng năm, cho thấy nỗ lực từ phía các ngân hàng trong việc tuân thủ các yêu cầu về ESG. Dù vậy, vẫn còn khoảng cách giữa yêu cầu của nhà quản lý và khả năng thực hiện của nhiều ngân hàng, điều này đặt ra thách thức cho các ngân hàng trong việc cải thiện chất lượng công bố thông tin và tính minh bạch.

Một số ngân hàng duy trì được mức điểm công bố ESG khá cao và ổn định trong suốt giai đoạn 2018-2022, thể hiện sự đầu tư nghiêm túc và chiến lược dài hạn trong việc áp dụng các tiêu chí ESG vào hoạt động. Đối với các ngân hàng khác, dù có xuất phát điểm thấp hơn, nhưng cũng đã ghi nhận sự tiến bộ đáng kể trong việc nâng cao điểm số công bố thông tin ESG. Cụ thể, nhiều ngân hàng đã tăng từ 3-4 điểm trong khoảng 4-5 năm qua, cho thấy sự cải thiện trong độ minh bạch thông tin và cam kết đối với các tiêu chí bền vững. Tuy vậy, vẫn tồn tại những trường hợp điểm số công bố biến động mạnh do không duy trì được tính liên tục và thường xuyên trong báo cáo.

Giai đoạn 2: Đánh giá tác động của công bố thông tin ESG và một số nhân tố nội sinh tới khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại.

Dựa trên báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của 29 ngân hàng thương mại niêm yết trên 2 sàn chứng khoán HSX, HNX và một số ngân hàng công bố thông tin ESG tự nguyện, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu tác động của công bố thông tin ESG đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Trong nghiên cứu này, thông tin ESG được xem là một trong những biến giải thích quan trọng.

Khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố quan trọng. Theo Bui & cộng sự (2024), Siuesia & cộng sự (2019) cho thấy công bố thông tin ESG giúp nâng cao uy tín và thu hút các nhà đầu tư, nhưng Yuen & cộng sự (2022) có kết luận trái ngược. Yuen & cộng sự (2022), Nollet & cộng sự (2016) phát hiện rằng bình phương của điểm ESG giải thích mối quan hệ phi tuyến tính giữa các công bố thông tin ESG và lợi nhuận ngân hàng thể hiện mối quan hệ hình chữ U và ngụ ý tác động tích cực trong dài hạn. Đinh Văn Hoàng & cộng sự (2023), Lại Cao Mai Phương & cộng sự (2022) cho thấy quy mô lớn giúp đạt lợi thế kinh tế quy mô và tăng khả năng cạnh tranh, nhưng nghiên cứu của Hà Nguyễn (2023) chỉ ra rằng nếu quy mô và tỉ lệ nợ xấu quá lớn có thể dẫn đến quản lý không hiệu quả và rủi ro tài chính tăng cao. Nghiên cứu của Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cành (2015), Garcia-Herrero & cộng sự (2009) cho thấy rằng tiền gửi của khách hàng là nguồn vốn ổn định và chi phí thấp, giúp tăng lợi nhuận. Tỷ lệ nợ xấu cao làm giảm khả năng sinh lời do chi phí dự phòng rủi ro tăng và khả năng thu hồi vốn giảm (Alshatti, 2015) nhưng Nguyễn Duy Sữ (2023) đã khẳng định điều ngược lại. Cuối cùng, Đào Mỹ Hằng & cộng sự (2024), Syafri (2012) đã chỉ ra rằng vốn chủ sở hữu cao giúp tăng khả năng tài chính, mặc dù Berger (1995) cảnh báo về việc giảm tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu do tỷ lệ nợ/vốn giảm. Việc hiểu rõ các yếu tố này giúp ngân hàng thương mại phát triển chiến lược kinh doanh hiệu quả và nâng cao khả năng sinh lời trong môi trường cạnh tranh ngày nay.

Nghiên cứu tiến hành hồi quy các phương trình sau:

Bảng 2: Ý nghĩa các biến được lựa chọn sử dụng

Loại biến	Tên biến	Ký hiệu	Cách tính	Kỳ vọng	Tác giả
Biến phụ thuộc	Lợi nhuận trên tổng tài sản	ROA	$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$		Beck & cộng sự (2013); Laeven & Levine (2009); Lepetit & Strobel (2015); Djatche (2018)
	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	ROE	$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$		Nguyễn Minh Phương & cộng sự (2024)
Biến giải thích	Điểm ESG	ESG	$ESG = \sum_{j=1}^n r_j$ r _j : điểm ESG công bố cho từng tiêu chí, nếu 1 tiêu chí được báo cáo thì điểm số của tiêu chí =1, ngược lại bằng 0; n = 17	+	Bui & cộng sự (2024), Siuecia & cộng sự (2019), Pérez, A. & Bosque, I. (2015), Tóth & cộng sự (2021)
	Điểm ESG bình phương	SQESG	Bình phương điểm ESG	+	Yuen & cộng sự (2022), Nollet & cộng sự (2016)
	Vốn chủ sở hữu	CAP	$\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản}}$	+	Đào Mỹ Hằng & cộng sự (2024), Syafri (2012), Bashir (2000), Vũ Thị Hồng Nga (2022)
Biến kiểm soát	Tiền gửi của khách hàng	DEP	$\frac{\text{Tỷ lệ tiền gửi}}{\text{Tổng tài sản}}$	-	Lê Đồng Duy Trung (2020)
	Tỷ lệ nợ xấu	NPL	$\frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}}$	-	Lê Bá Trục (2018); Stiroh & Rumble (2006)
	Quy mô tổng tài sản	LNTA	Logarit cơ số tự nhiên của Tổng tài sản	+	Alshatti (2015), Dat & cộng sự (2021)

$$ROA_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 ESG_{i,t-2} + \beta_2 SQESG_{i,t-2} + \beta_3 LnTA_{i,t-1} + \beta_4 NPL_{i,t-1} + \beta_5 CAP_{i,t-1} + \beta_6 DEP_{i,t-1} + \beta_7 GDP_{i,t-1} + \theta_t + u_{i,t} \quad (1)$$

$$ROE_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 ESG_{i,t-2} + \beta_2 SQESG_{i,t-2} + \beta_3 LnTA_{i,t-1} + \beta_4 NPL_{i,t-1} + \beta_5 CAP_{i,t-1} + \beta_6 DEP_{i,t-1} + \beta_7 GDP_{i,t-1} + \theta_t + u_{i,t} \quad (2)$$

Sau khi lọc và kiểm tra dữ liệu, mẫu nghiên cứu đã được xây dựng thành dữ liệu bảng cân bằng với tổng cộng 162 quan sát.

Đồng thời, để xử lý các vấn đề như tự tương quan giữa các quan sát và phương sai sai số không đồng nhất, nhóm tác giả đã quyết định áp dụng thêm mô hình GLS trong phân tích dữ liệu, bên cạnh các phương pháp như mô hình bình phương nhỏ nhất (Pooled OLS), mô hình hồi quy tác động ngẫu nhiên (REM) và mô hình hồi quy tác động cố định (FEM) để đánh giá các mối liên hệ trong mô hình nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 3 thể hiện với 162 quan sát, biến phụ thuộc ROA có giá trị trung bình bằng 0,0119885 với độ lệch chuẩn là 0,0081168. Giá trị nhỏ nhất của biến phụ thuộc ở mức -0,0071958 cùng với giá trị lớn nhất bằng 0,0365264. Biến phụ thuộc tiếp theo được sử dụng là ROE với giá trị trung bình bằng 0,1405025 cùng giá trị lớn nhất và nhỏ nhất lần lượt là 0,3033156 và -0,1233193.

Để làm tăng tính chính xác của kết quả hồi quy, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định hiện tượng đa cộng

Bảng 3: Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Tên biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Biến phụ thuộc					
ROA	162	0,0119885	0,0081168	-0,0071958	0,0365264
ROE	162	0,1405025	0,0793881	-0,1233193	0,3033156
Biến giải thích					
ESG	162	6,098765	2,689316	1	12
SQESG	162	44.38272	39.32713	1	144
Biến kiểm soát					
LNTA	162	33,02085	1,090213	30,64526	35,37206
NPL	162	0,0210515	0,026972	0	0,2975734
CAP	162	0,0856397	0,0305023	0,041546	0,1709897
DEP	162	0,6687671	0,0987829	0,4417845	0,8837326
GDP	162	0,0557	0,022429	0,0255	0,0812

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm Stata.

Bảng 4: Ma trận hệ số tương quan giữa các biến

	ROA	ROE	ESG	SQESG	LnTA	NPL	CAP	DEP	GDP
ROA	1,0000								
ROE	0,8485	1,0000							
ESG	0,3119	0,3052	1,0000						
SQESG	0,2719	0,2754	0,9832	1,0000					
LnTA	0,4680	0,5935	0,6268	0,5917	1,0000				
NPL	-0,2385	-0,3651	-0,1143	-0,1036	-0,1569	1,0000			
CAP	0,5354	0,1000	0,0841	0,0499	-0,1044	-0,0150	1,0000		
DEP	-0,5466	-0,3704	-0,1200	-0,1099	-0,0448	0,0538	-0,3870	1,0000	
GDP	-0,0106	-0,0012	-0,0787	-0,0532	-0,0543	0,0188	0,0113	0,0181	1,0000

Bảng 5: Kết quả mô hình hồi quy

	ROA	ROE
L2. SQESG	0,000189** (2,01)	0,000966* (1,79)
L2. ESG	-0,00309** (-2,47)	-0,0210*** (-2,58)
L.LNTA	0,00168 (9,30)	0,0476*** (9,67)
L.NPL	-0,0447** (-2,05)	-1,159*** (-4,11)
L.CAP	-0,00101 (-0,02)	0,0833 (0,55)
L.DEP	0,000755 (0,08)	-0,142*** (-3,31)
L.GDP	0,0505*** (2,97)	0,267** (2,55)
_CONS	-0,0342 (-0,38)	-1,253*** (-7,32)

Chú thích: *** tương ứng ý nghĩa thống kê 1%, ** tương ứng ý nghĩa thống kê 5%, * tương ứng ý nghĩa thống kê 10%.

tuyến khi có mối tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình. Hiện tượng đa cộng tuyến có khả năng cao xảy ra khi giá trị tuyệt đối của hệ số tương quan lớn hơn 0,8. Bảng 4 trình bày mối tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình. Giá trị tuyệt đối của các hệ số tương quan đều nhỏ hơn 0,8, vì vậy, có thể kết luận rằng các biến giải thích trong mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

4.2. Kết quả hồi quy

Sau khi tiến hành kiểm định mô hình Pool OLS, nhóm nghiên cứu nhận thấy mô hình này không phải mô hình tối ưu do có hiện tượng tự tương quan và phương sai sai số thay đổi. Do đó, bài nghiên cứu sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn giữa mô hình FEM hay REM. Theo đó, đối với mô hình có biến phụ thuộc là ROE, nhóm nghiên cứu nhận thấy hệ số hồi quy trong mô hình FEM không chính xác, có hiện tượng phương sai sai số thay đổi và tự tương quan. Do đó, để nâng cao tính chính xác và hiệu quả của mô hình, nhóm nghiên cứu đã tiếp tục sử dụng mô hình bình phương tổng quát (FGLS) và kết quả cho thấy mô hình này có hiệu quả hơn.

ESG: Nhóm nghiên cứu thực hiện tiến hành chạy mô hình đối với biến ESG trễ 1 kỳ và 2 kỳ nhằm kiểm định kết quả tác động của chỉ số ESG đến khả năng sinh lời trong từng thời kỳ do thông thường các chính sách sẽ có độ trễ nhất định. Tuy nhiên, khi công bố thông tin ESG tại thời điểm năm t-1 thì chỉ số này chưa ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, thể hiện ở kết quả hồi quy, chỉ số ESG khi trễ 1 kỳ không có ý nghĩa thống kê. Việc công bố thông tin ESG ở năm t-2 có tác động ngược chiều với ROA với mức độ tin cậy trên 95% và hệ số hồi quy -0,00309, đồng thời cũng tác động ngược chiều với ROE trong ngắn hạn với hệ số hồi quy -0,0210 và mức ý nghĩa thống kê 1%, do đó giả thuyết H1 được chấp nhận. Kết quả nghiên cứu này thống nhất với kết luận của Mui Kuen Yuen & cộng sự (2022), Bùi Thị Thu Loan & cộng sự (2024) cho rằng trong ngắn hạn, việc thực hiện ESG được coi là một sự đánh đổi đối với các ngân hàng thương mại, đòi hỏi họ phải dành thêm nguồn lực để đạt được các mục tiêu xã hội và môi trường, do đó phải chịu chi phí cao hơn, làm giảm đi lợi nhuận của các ngân hàng.

SQESG: Kết quả nghiên cứu cho thấy việc công bố thông tin ESG trong dài hạn sẽ tác động tích cực đến khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại Việt Nam. Qua mô hình nghiên cứu của nhóm quan sát thấy công bố thông tin ESG dài hạn có tác động cùng chiều với ROA và ROE với mức ý nghĩa thống kê lần lượt

là 5% và 10% với hệ số hồi quy là 0,000189 và 0,000966 nên giả thuyết H2 được chấp nhận. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Yuen & cộng sự (2022) về tác động của ESG đối với khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại toàn cầu trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Nghiên cứu này đã chỉ ra mối quan hệ phi tuyến giữa việc thực hiện ESG và hiệu quả hoạt động của ngân hàng, cụ thể là mô hình chữ U (U-shape). Trong ngắn hạn, việc thực hiện ESG có thể khiến lợi nhuận ngân hàng giảm sút, nhưng về dài hạn, hiệu quả hoạt động của ngân hàng lại được cải thiện nhờ vào tác động tích cực từ việc công bố thông tin ESG.

5. Kết luận

Công bố thông tin ESG trong ngành ngân hàng đang trở thành một yếu tố quan trọng, phản ánh cam kết của các tổ chức tài chính đối với trách nhiệm xã hội và môi trường. Việc này không chỉ tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm xã hội mà còn đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của các bên liên quan. Các ngân hàng cần cung cấp thông tin chi tiết và minh bạch về các hoạt động, chính sách và tác động của mình đối với môi trường và xã hội, tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế GRI (Global Reporting Initiative), hoặc Thông tư 96/2020/TT-BTC để đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và có thể so sánh được.

Việc tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược kinh doanh và quá trình ra quyết định cũng là một kỳ vọng quan trọng, giúp nâng cao khả năng sinh lời và tăng cường lòng tin từ nhà đầu tư và khách hàng. Đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan yêu cầu công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, dễ hiểu và dễ truy cập, đòi hỏi ngân hàng phải cải thiện cách thức trình bày thông tin.

Nghiên cứu của chúng tôi dựa theo Thông tư 96/2020/TT-BTC nhằm đưa ra những điểm số trung thực, phản ánh thực tiễn công bố thông tin ESG tại các hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Cùng với đó, bài nghiên cứu đã xây dựng mô hình tác động của công bố thông tin ESG đến khả năng sinh lời của các ngân hàng trong giai đoạn 2018-2023. Kết quả cho thấy công bố thông tin ESG có thể gây ra ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn nhưng mang lại hiệu quả tích cực trong dài hạn. Đây được coi như một động lực cho các ngân hàng tiếp tục phát triển và theo đuổi công bố thông tin về ESG trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Alshatti, A. S. (2015), 'The effect of credit risk management on financial performance of the Jordanian commercial banks', *Investment Management and Financial Innovations*, 12(1-2), 338-345.
- Alshatti, A.S (2015), 'The Effect of the Liquidity Management on Profitability in the Jordanian Commercial Banks', *International Journal of Business and Management*, 10 (1), 62-71
- Bashir, A. (2000), 'Determinants of profitability and rates of return margins in Islamic banks, some evidence from the Middle East', *The ERF Seventh Annual Conference, Amman, Jordan*, 26-29.
- Beattie, V., McInnes, B. & Fearnley, S. (2004), 'A Methodology for Analysing and Evaluating Narratives in Annual Reports: A Comprehensive Descriptive Profile and Metrics for Disclosure Quality Attributes', *Accounting Forum*, 28(3), 205-236.
- Beck, T., Jonghe, O. D., Schepens, G. (2013), 'Bank competition and stability: Cross – country heterogeneity', *Journal of Financial Intermediation*, 22(2), 218-244.
- Berger, A.N. (1995), 'The profit-structure relationship in banking--tests of market-power and efficient-structure hypotheses', *Journal of Money, Credit and Banking*, 27(2), 404-431.
- Bui, T.T. L., Tran, T.L. Anh. & Hoang, T. (2024), 'ESG disclosure and financial performance: Empirical study of Vietnamese commercial banks', *Banks and Bank Systems*, 19(1), 208-220.
- Dat, T. N., Tu, L. & Tin, H. H. (2021), 'Intellectual Capital and Bank Risk in Vietnam- A Quantile Regression Approach', *Journal of Risk Financial Management*, 14(1), 27.
- Deegan, C. (2002), 'Introduction: The legitimising effect of social and environmental disclosures – a theoretical foundation', *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, 15(3), 282-311, DOI: 10.1108/09513570210435852
- Djatche, M. J. N. (2018), 'Re-Exploring the Nexus between Monetary Policy and Banks Risk – Taking', *GREDEG*

Working Paper, 2018 -12.

- Donald, D. & Lazarus, S. & Lolwana, P. (1999), 'Educational Psychology in Social Context: Challenges of development, social issues and special need in southern Africa', Oxford University Press.
- Đào Mỹ Hằng, Phan Thị Hoàng Yến & Đồng Thị Thanh Nhân (2024), 'Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí thị trường Tài chính Tiền tệ*, 9.
- Đinh Văn Hoàng, Bùi Khánh Phương, Trịnh Thị Thu Trang, Trần Như Quỳnh & Nguyễn Thị Phương (2023), 'Tác động của năng lực đổi mới sáng tạo đến năng lực phát triển bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam', *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 183, 65-80.
- Ellili, N., Nobanee, H. (2023), 'Impact of economic, environmental, and corporate social responsibility reporting on financial performance of UAE banks', *Environment, Development and Sustainability*, 25, 3967–3983.
- Freeman, E. (1984), *Strategic Management: A Stakeholder Approach: The State of the Art*, Cambridge University Press.
- García-Herrero, A., Gavilá, S. & Santabarbara, D. (2009), 'What Explains the Low Profitability of Chinese Banks?', *Journal of Banking & Finance*, 33, 2080-2092, DOI: 10.1016/j.jbankfin.2009.05.005.
- Hà Nguyễn (2023), 'Credit Risk and Financial Performance of Commercial Banks: Evidence from Vietnam', Department of Actuarial Studies and Business Analytics, MGSM, Macquarie University, Sydney, Australia.
- Hobbes, T. (1962), *Leviathan*, ed. Michael Oakeshott, Basil Blackwell, Oxford
- Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cảnh (2015), 'Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 106+107, 13-24.
- Jensen & Meckling (1976), 'Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure', *Journal of Financial Economics*, 3, 305-360.
- Khan, H.Z., Bose, S., Sheehy, B. & Quazi, A. (2021), 'Green banking disclosure, firm value and the moderating role of a contextual factor: Evidence from a distinctive regulatory setting', *Business Strategy and the Environment*, 30(8), 3651-3670.
- Khan, P. M. A. A. & Abera, H. B. (2015), 'The Determinants terminantsand Characteristics of Voluntary Disclosure by Ethiopian Banks', *SUMEDHA Journal of Management*, 4, 4-14.
- Laeven, L. & Levine, R. (2009), 'Bank governance, regulation and risk taking', *Journal of Financial Economics*, 93(2), 259-275, DOI: 10.1016/j.jfineco.2008.09.003.
- Lại Cao Mai Phương, Vũ Phạm Ngọc Ánh, Nguyễn Minh Chánh & Dương Thị Mỹ Hạnh (2022), 'Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán', *Tạp chí Tài chính*, 4, 46-50.
- Lê Bá Trục (2018), 'Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam', Luận án tiến sĩ, *Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh*.
- Lê Đồng Duy Trung (2020), 'Các nhân tố tác động tới khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại tại Việt Nam: Tiếp cận theo mô hình thực nghiệm động', *Tạp chí Ngân hàng*, 12, 36.
- Lepetit, L. & Strobel, F. (2015), 'Bank insolvency risk and Z-score measures: A refinement', *Financial Research Letters*, 13, 214-224, DOI: 10.1016/j.frl.2015.01.001.
- Menassa, E., & Dagher, N. (2020), 'Determinants of corporate social responsibility disclosures of UAE national banks: A multi-perspective approach', *Social Responsibility Journal*, 16, 631–654.
- Nguyễn Duy Sữ (2023), 'Ảnh hưởng của nhân tố nội tại và nhân tố vĩ mô đến khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại', *Tạp chí Tài chính*, 7(2), 78-81.
- Nguyễn La Soa (2023), 'Tác động của công bố trách nhiệm xã hội đến phát triển bền vững và hiệu quả hoạt động: nghiên cứu với các doanh nghiệp khai khoáng Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 311, 85-94.
- Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Lan Anh, Thái Thị Thùy Linh, Phạm Hồng Nhung & Phan Mai Quyên (2024), 'Tác động của chính sách tín dụng xanh tới hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam: nghiên cứu thực nghiệm bằng mô hình sai biệt kép DID', *Tạp chí Kinh tế - Luật & Ngân hàng*, 271, 26-39
- Nguyễn Thị Phúc Doang & Nguyễn Văn Đại (2023), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững của doanh nghiệp

vừa và nhỏ tại Việt Nam’, *Tạp chí Khoa học Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, 18 (2), 44-54, DOI:10.46223/hcmcoujs.econ.vi.18.2.2181.2023

- Nobanee, H. & Ellili, N. O. D. (2017), ‘Impact of Economic, Environmental, and Social Sustainability Reporting on Financial Performance of UAE Banks’, *SSRN Electronic Journal*, DOI: 10.2139/ssrn.2971484.
- Nollet, J., Filis, G., & Mitrokostas, E. (2016), ‘Corporate social responsibility and financial performance: a non-linear and disaggregated approach’, *Economic Modelling*, 52, 400-407.
- Pérez, A. & Bosque, I. (2015), ‘Customer values and CSR image in the banking industry’, *Journal of Financial Services Marketing*, 20(1), 46-61, DOI: 10.1057/fsm.2014.30.
- Rashid, Z. & Aikaeli, J. (2015), ‘Relationship between Profitability and Voluntary Disclosure: A Case of Banks in Kenya’, *SSRN Electronic Journal*, DOI: 10.2139/ssrn.2706027.
- Rousseau, J. J. (1964), *The social contract (1762)*, Londres.
- Siuesia, T.T., Wang, J.L. & Tamakloe, G. (2019), ‘Corporate Social Responsibility and financial performance: A comparative study in the Sub-Saharan Africa banking sector’, *Journal of Cleaner Production*, 226(4), 658-668.
- Stiroh, K.J., & Rumble, A. (2006), ‘The dark side of diversification: The case of US financial holding companies’, *Journal of Banking và Finance*, 30, 2131-2161, DOI: 10.1016/j.jbankfin.2005.04.030.
- Syafri (2012), ‘Factors Affecting Bank Profitability in Indonesia’, *The 2012 International Conference on Business and Management*, 236-242.
- Tóth, B., Makra, E. L., Szládek, D., Kiss, G. D. (2021), ‘The Contribution of ESG Information to the Financial Stability of European Banks’, *Public Finance Quarterly*, 3, 429-450.
- Trần Nguyên Sa & Hạ Thị Thiệu Dao (2023), ‘Công bố thông tin ngân hàng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam’, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 318, 2-11.
- Vũ Thị Hồng Nga (2022), ‘Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại’, *Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ*, 18, 41-46.
- Yuen, M.K. Ngo, T., Tu D.Q. Le & Tin H. H. (2022), ‘The environment, social and governance (ESG) activities and profitability under COVID-19: evidence from the global banking sector’, *Journal of Economics and Development*, 24(4), 345-364.